(Phụ lục 4)

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**BẢN KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC**

**TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT**

**(Kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

 **I. CÁC THÔNG TIN CHUNG**:

 1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai:

 2. Địa chỉ:

 3. Số điện thoại: ; Fax:

 4. Người đại diện theo pháp luật:

 5. Chức vụ:

 6. Mã số thuế:

 7. Tên công trình khai thác:

 8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước:

 9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành:

 Trường hợp công trình đã được cấp phép thì kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

 Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

 **II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

 1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

 a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

 - Điện lượng trung bình hằng năm.

 - Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép…) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước…

 - Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

 b) Tính tiền:

 Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được xác định theo công thức sau:

T = W \* G \* M

 Trong đó:

 T: Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (đồng);

W: Sản lượng điện năng (kWh), được tính bằng điện lượng trung bình hằng năm được xác định trong hồ sơ thiết kế của Dự án (E0, kWh) chia (/) 365 ngày và nhân (x) thời gian tính tiền (ngày).

Thời gian tính tiền được tính bằng ngày và được xác định như sau:

+ Trường hợp công trình đã vận hành trước ngày 01/9/2017 nhưng chưa được cấp giấy phép: tính từ thời điểm giấy phép có hiệu lực đến thời điểm giấy phép hết hiệu lực.

+ Trường hợp công trình chưa vận hành: tính từ thời điểm dự kiến bắt đầu vận hành đến thời điểm giấy phép hết hiệu lực.

+ Thời điểm bắt đầu vận hành là thời điểm hoàn thành việc đầu tư xây dựng, đưa công trình khai thác nước vào vận hành chính thức, được xác định theo hồ sơ thiết kế, dự kiến của chủ đầu tư hoặc căn cứ vào thực tế.

G: Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (đồng/kWh), được tính bằng 70% giá điện dùng để tính thuế tài nguyên nước dùng cho sản xuất thủy điện.

M: Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (%), M = 1%.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép…) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước…

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Xác định các hệ số điều chỉnh.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

b) Tính tiền:

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

T = W \* G \* K \* M

Trong đó:

T: Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (đồng);

W: Sản lượng khai thác nước để tính tiền cấp quyền khai thác (m3), được tính bằng lưu lượng khai thác lớn nhất (m3/ngày đêm) quy định trong giấy phép nhân (x) chế độ khai thác trong năm và nhân (x) thời gian tính tiền (ngày).

- Chế độ khai thác trong năm được tính bằng số ngày khai thác trong năm chia (/) 365 ngày (Trường hợp giấy phép không quy định thì chế độ khai thác được tính là 365/365 ngày).

- Trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho nhiều mục đích thì sản lượng khai thác để tính tiền cấp quyền khai thác được tính cho từng mục đích sử dụng và được xác định như sau:

+ Chủ giấy phép phải tự xác định, kê khai sản lượng nước khai thác cho từng mục đích sử dụng và thuyết minh căn cứ xác định sản lượng nước được khai thác để sử dụng cho các mục đích đó. Phần sản lượng không xác định được rõ mục đích sử dụng thì được áp dụng cho mục đích sử dụng có mức thu cao nhất ghi trong giấy phép.

+ Trường hợp nhiều công trình khai thác nước cùng cung cấp cho một hệ thống cấp nước tập trung thì sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác nước cho từng mục đích của mỗi công trình được xác định theo tỷ lệ cấp nước cho các mục đích của hệ thống cấp nước tập trung đó.

+ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng nước phục vụ sinh hoạt trong phạm vi cơ sở đó thì toàn bộ lượng nước sử dụng được tính cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở đó. Trường hợp cấp nước sinh hoạt cho nhân dân ngoài phạm vi cơ sở đó thì được tính là cấp nước sinh hoạt và không phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho phần sản lượng này.

G: Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (đồng/m3), là giá tính thuế tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành.

K: hệ số điều chỉnh, được xác định như sau:

K = 1 + (K1 + K2 + K3)

Trong đó:

K1: Hệ số chất lượng nguồn nước khai thác, được xác định theo chất lượng của nguồn nước mà tổ chức, cá nhân khai thác.

K2: Hệ số loại nguồn nước khai thác (nước mặt) do tổ chức, cá nhân khai thác.

K3: Hệ số điều kiện khai thác, xác định căn cứ vào điều kiện khai thác cụ thể của nguồn nước mà tổ chức, cá nhân khai thác.

Giá trị của hệ số điều chỉnh được quy định tại Bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ số** | **Giá trị** |
| **I** | **Hệ số chất lượng nguồn nước – K1** |  |
| 1 | Nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt hoặc được quy hoạch để cấp nước sinh hoạt; nguồn nước có chất lượng đạt cột A của quy chuẩn kỹ thuật kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt | 0,30 |
| 2 | Nguồn nước có chất lượng khác với nguồn nước được quy định tại mục I.1 | 0 |
| **II** | **Hệ số loại nguồn nước – K2** | 0,20 |
| **III** | **Hệ số điều kiện khai thác – K3** |  |
| 1 | Khu vực đồng bằng | 0,10 |
| 2 | Khu vực khác | 0 |

M: Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (%), được quy định tại Bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục đích sử dụng nước** | **Mức thu, M (%)** |
| 1 | Khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ | 2,0 |
| 2 | Khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp, trừ nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi | 1,5 |
| 3 | Khai thác nước mặt để làm mát máy, thiết bị, tạo hơi | 0,2 |

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ những nội dung điều chỉnh).

-………………………………………………………………………………

**III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp:……(đồng), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên:……………………………………………

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo:………………………………………

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng:…………………………………………

-………………………………………………………………………………

2. Phương án nộp tiền hằng năm:

[ ]  Tháng [ ]  Quý [ ]  Năm

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền:…… (đồng).

(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai) cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

 ……, ngày……tháng……năm……

**Tên tổ chức, cá nhân kê khai**

 (Ký, ghi rõ họ tên)